

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Nội dung

	Trang
Thông tin về Công ty	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 38

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000113 Điều chỉnh lần 1 ngày 24 tháng 5 năm 2005 ngày 23 tháng 1 năm 2006

Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ 03/UBCK-GPHDQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005
 17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008
 27/UBCK-GPDC ngày 20 tháng 11 năm 2008
 67/UBCK-GPDC ngày 15 tháng 4 năm 2010
 25/GPDC-UBCK ngày 09 tháng 12 năm 2011
 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012
 08/GPDC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013
 29/GPDC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2013

Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPDC-UBCK để bổ sung thêm chức năng tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép đầu tư của công ty mẹ có giá trị đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Quản trị

Julian Christopher Vivian Pull	Chủ tịch (từ 28 tháng 2 năm 2015) Thành viên (đến 27 tháng 2 năm 2015)
Guy Robert Strapp	Chủ tịch (đến 27 tháng 2 năm 2015)
Nguyen Tuan Thên An	Thành viên
Wilfred John Blackburn	Thành viên
Jackie Chew Pei Pei	Thành viên (từ 28 tháng 2 năm 2015)

Ban Giám đốc Nguyen Tuan Thên An Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định có liên quan của Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định có liên quan của Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ đầu tư
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định có liên quan của Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định có liên quan của Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-407



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0339-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2016

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND*000	31/12/2014 VND*000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		118.962.176	144.126.368
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	106.154.989	131.945.400
Tiền	111		8.489.561	4.292.374
Các khoản tương đương tiền	112		97.665.428	127.653.026
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	10.367.731	9.003.718
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		374.905	358.268
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		101.181	117.738
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		9.700.450	8.359.502
Phải thu ngắn hạn khác	135		191.195	168.210
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.439.456	3.177.250
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		475.960	1.220.449
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.963.496	1.956.801
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		4.073.607	3.004.149
Tài sản cố định	220		379.215	390.364
Tài sản cố định hữu hình	221	7	295.840	320.420
Nguyên giá	222		3.225.910	4.038.372
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.930.070)	(3.717.952)
Tài sản cố định vô hình	227	8	83.375	69.944
Nguyên giá	228		982.797	892.906
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(899.422)	(822.962)
Tài sản dài hạn khác	260		3.694.392	2.613.785
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	96.589	145.854
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	3.597.803	2.467.931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		123.035.783	147.130.517

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		43.792.830	31.639.106
Nợ ngắn hạn	310		34.999.797	25.734.519
Phải trả người bán ngắn hạn	312		66.025	66.025
Thuế phải nộp Nhà nước	314	11	683.008	567.017
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	12	32.274.454	22.651.953
Phải trả nội bộ ngắn hạn	317	13	1.632.235	1.674.353
Phải trả ngắn hạn khác	319		344.075	775.171
Nợ dài hạn	330		8.793.033	5.904.587
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	10	161.375	28.310
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		853.003	853.003
Dự phòng dài hạn	337	14	7.778.655	5.023.274
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.242.953	115.491.411
Vốn góp	411	15	25.000.000	25.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420	16	54.242.953	90.491.411
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		90.491.411	125.466.009
- Lỗ năm này	420b		(36.248.458)	(34.974.598)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		123.035.783	147.130.517

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Ngoại tệ	005		13.479.121	22.023.137
Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác	030	17	1.840.782.548	2.602.672.907
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		1.840.300.861	2.602.495.080
▪ Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư nước ngoài	032		481.687	177.827
Danh mục đầu tư	040	18	41.155.312.103	36.388.353.492
▪ Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		41.102.270.400	36.328.916.013
▪ Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		53.041.703	59.437.479
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		6.879.671	548.661

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thân An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
Tổng doanh thu	01	19	37.664.355	29.914.278
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.930.695	4.437.533
Chi phí tài chính	22		-	125.222
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	78.840.315	70.155.336
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 1 + (21 - 22) - 25}	30		(37.245.265)	(35.928.747)
Kết quả từ các hoạt động khác	40		-	100.690
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(37.245.265)	(35.828.057)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	22	(996.807)	(853.459)
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(36.248.458)	(34.974.598)

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Thên An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
Ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	01	35.869.533	37.985.896
Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	03	(44.923.848)	(45.728.056)
Nộp thuế TNDN cho Ngân sách Nhà nước	05	-	(1.256.797)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.027.135)	(29.247.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(29.081.450)	(38.246.056)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(234.959)	(178.270)
Thay đổi trong đầu tư ngắn hạn	26	-	11.697.008
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	3.525.998	4.544.632
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	3.291.039	16.063.370
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	(25.790.411)	(22.182.686)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	131.945.400	154.128.086
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 5)	70	106.154.989	131.945.400

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Luận Thân An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư theo Giấy phép thành lập và hoạt động quản lý quỹ số 03/UBCK-GPHDQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 5 năm 2005 và sửa đổi ngày 23 tháng 7 năm 2008, ngày 20 tháng 11 năm 2008, ngày 15 tháng 4 năm 2010, ngày 9 tháng 12 năm 2011, ngày 23 tháng 3 năm 2012, ngày 26 tháng 3 năm 2013 và ngày 12 tháng 9 năm 2013 (sau đây gọi chung là “Giấy phép quản lý quỹ”).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép quản lý quỹ là 25 tỷ VND.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 25 nhân viên (31/12/2014: 26 nhân viên) trong đó có 1 nhân viên quản lý cấp cao. Trong năm, Công ty có 1 nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 12 nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2014: 12 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam các quy định có liên quan của Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam, cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, làm tròn đến nghìn đồng ("VND'000").

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(a)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và các khoản tương đương tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Chi phí nâng cấp 3 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 6 năm

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(j) Tiền thưởng nhân viên dài hạn

Tiền thưởng nhân viên dài hạn là khoản tiền mặt thưởng cho nhân viên mà Công ty chi trả trong vòng ba năm. Khoản tiền này được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong năm mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng ("giai đoạn được nhận thưởng"). Giá trị khoản thưởng được ghi nhận là chi phí và được điều chỉnh hàng năm nhằm phản ánh tăng/giảm giá trị phần thưởng bằng cách đối chiếu với lợi nhuận từ hoạt động của Eastspring Investments toàn Châu Á trong giai đoạn được nhận thưởng.

(k) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được tính toán một cách đáng tin cậy. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí, các khoản thưởng và hoa hồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên hiện có đủ điều kiện đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các nhà đầu tư, và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của của các nhà đầu tư này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý và các thành viên Ban Giám Đốc của Công ty.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không được phản ánh trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

(s) Đánh giá và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty trình bày thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ của chúng trong Thuyết minh số 26.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(t) Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động theo một bộ phận, quản lý đầu tư.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tiền gửi ngân hàng	8.489.561	4.292.374
Các khoản tương đương tiền	97.665.428	127.653.026
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	106.154.989	131.945.400

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng. Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm khoản ngoại tệ tương đương 13.479 triệu VND (31/12/2014: 22.023 triệu VND).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được hưởng lãi suất năm dao động từ 3.70% đến 4.39% (31/12/2014: từ 0.05% đến 4%).

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Phải thu công ty mẹ		
Thương mại	9.590.569	7.801.644
Phải thu các công ty liên quan		
Thương mại	109.881	103.984
Phi thương mại	-	453.874
	<hr/>	<hr/>
	9.700.450	8.359.502

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan phản ánh phí quản lý và các khoản phí khác phải thu từ các công ty liên quan này. Các khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải trả khi có yêu cầu.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Phải thu từ người lao động	29.680	33.760
Phải thu khác	161.515	134.450
	<hr/>	<hr/>
	191.195	168.210

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh trạng thái rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014, Công ty không có khoản phải thu nào bị quá hạn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định hữu hình

2015	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.197.006	2.841.366	4.038.372
Tăng trong năm	145.068	-	145.068
Xóa sổ	-	(957.530)	(957.530)
Số dư cuối năm	1.342.074	1.883.836	3.225.910
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.197.006	2.520.946	3.717.952
Khấu hao trong năm	90.526	406.079	496.605
Điều chỉnh (*)	(149.232)	(220.265)	(369.497)
Xóa sổ	-	(914.990)	(914.990)
Số dư cuối năm	1.138.300	1.791.770	2.930.070
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	320.420	320.420
Số dư cuối năm	203.774	92.066	295.840

(*) Phần điều chỉnh lại liên quan đến số khấu hao thừa đã được ghi nhận trong những năm trước.

2014	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.197.006	2.663.096	3.860.102
Tăng trong năm	-	178.270	178.270
Số dư cuối năm	1.197.006	2.841.366	4.038.372
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	874.345	2.018.062	2.892.407
Khấu hao trong năm	322.661	502.884	825.545
Số dư cuối năm	1.197.006	2.520.946	3.717.952
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	322.661	645.034	967.695
Số dư cuối năm	-	320.420	320.420

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 2.741 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 1.556 triệu VND).

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2015 VND'000	2014 VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	892.906	892.906
Tăng trong năm	89.891	-
Số dư cuối năm	982.797	892.906
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	822.962	709.408
Khấu hao trong năm	76.460	113.554
Số dư cuối năm	899.422	822.962
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	69.944	183.498
Số dư cuối năm	83.375	69.944

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 893 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 487 triệu VND).

9. Chi phí trả trước dài hạn

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	145.854	381.975
Tăng trong năm	83.016	-
Phân bổ trong năm	(132.281)	(236.121)
Số dư cuối năm	96.589	145.854

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:*

	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí hoạt động phải trả	3.427.202	2.280.270
Dự phòng trợ cấp thôi việc	170.601	187.661
	3.597.803	2.467.931
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(161.375)	(28.310)
	3.436.428	2.439.621

(ii) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Chênh lệch	Giá trị	Chênh lệch	Giá trị
	tạm thời	tính thuế	tạm thời	tính thuế
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Lỗi tính thuế	29.482.041	5.896.408	31.948.700	7.028.714

Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ
		VND'000
2019	Chưa quyết toán	31.948.700
2020	Chưa quyết toán	29.482.041
		61.430.741

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND*000	31/12/2014 VND*000
Thuế thu nhập cá nhân	205.451	169.531
Thuế nhà thầu nước ngoài	477.557	397.486
	<hr/>	<hr/>
	683.008	567.017

12. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND*000	31/12/2014 VND*000
Phí tư vấn	749.555	749.555
Các khoản tiền thưởng	15.765.552	12.613.763
Tiền thưởng nhân viên dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	5.398.736	3.947.045
Các khoản khác	10.360.611	5.341.590
	<hr/>	<hr/>
	32.274.454	22.651.953

13. Phải trả nội bộ

	31/12/2015 VND*000	31/12/2014 VND*000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	108.347	82.604
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	1.523.888	1.591.749
	<hr/>	<hr/>
	1.632.235	1.674.353

Khoản phải trả công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

14. Dự phòng dài hạn

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tiền thưởng nhân viên dài hạn (i)	6.642.012	4.784.264
Khác	1.136.643	239.010
	<hr/>	<hr/>
	7.778.655	5.023.274

(i) Biến động của khoản mục tiền thưởng nhân viên dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	4.784.264	3.659.720
Dự phòng trích lập trong năm	7.256.484	5.071.589
Khoản đến hạn trả được phân loại lại thành chi phí phải trả (Thuyết minh số 12)	(5.398.736)	(3.947.045)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.642.012	4.784.264

15. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty là 25.000.000.000 VND đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, được thành lập tại Anh Quốc.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

16. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2014	1/1/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2014		Năm kết thúc ngày 31/12/2015		31/12/2014	31/12/2015
	VND'000	VND'000	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND'000	VND'000
Vốn góp	25.000.000	25.000.000	-	-	-	-	25.000.000	25.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	125.466.009	90.491.411	-	(34.974.598)	-	(36.248.458)	90.491.411	54.242.953
	150.466.009	115.491.411	-	(34.974.598)	-	(36.248.458)	115.491.411	79.242.953

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

17. Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác

(a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Quỹ Chủ sở hữu	549.707.420	1.831.330.955
Tiền gửi ngân hàng	7.191.491	32.267.498
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	542.515.929	1.799.063.457
Quỹ Toàn cầu	39.229.335	22.176.878
Tiền gửi ngân hàng	20.050.547	2.175.767
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	19.178.788	20.001.111
Quỹ Nhân thọ	1.101.063.577	690.868.573
Tiền gửi ngân hàng	41.006.608	128.397.673
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	1.060.056.969	562.470.900
Quỹ Liên kết Đầu tư	63.945.255	54.593.690
Tiền gửi ngân hàng	21.540.505	33.909.355
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	42.404.750	20.684.335
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	8.629.473	3.524.984
Tiền gửi ngân hàng	562.718	3.524.984
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	8.066.755	-
Quỹ Hưu trí	77.725.801	-
Tiền gửi ngân hàng	1.213.288	-
Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	76.512.513	-
	1.840.300.861	2.602.495.080

(b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

Chi tiết tiền gửi giữ hộ của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài như sau:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
International Opportunities Fund – Vietnam Equity	481.687	177.827
Tiền gửi ngân hàng	481.687	177.827

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

(a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước bao gồm:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá thị trường VND'000
Quỹ Chủ sở hữu				
Chứng khoán nợ niêm yết	30.551.210	3.525.232.457	22.691.847	2.658.389.992
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn		140.620.417		140.620.417
Quỹ Toàn cầu				
Chứng khoán nợ niêm yết	9.348.479	1.057.782.147	5.058.479	579.108.671
Quỹ Nhân thọ				
Chứng khoán vốn niêm yết	11.817.577	363.959.671	5.139.552	164.076.673
Chứng khoán nợ niêm yết	299.124.387	33.383.851.762	254.936.909	30.568.971.037
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	5.000.631	1.130.641.485	631	634.595.836
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn		777.593.250		1.080.531.972
Quỹ Liên kết Đầu tư				
Chứng khoán vốn niêm yết	10.346.980	310.430.442	7.119.570	226.563.282
Chứng khoán nợ niêm yết	1.890.000	214.959.401	1.860.000	206.295.573
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam				
Chứng khoán vốn niêm yết	2.486.235	58.329.627	1.840.123	41.402.230
Chứng khoán nợ niêm yết	127.000	14.863.237	231.000	28.360.330
Quỹ Hưu trí				
Chứng khoán nợ niêm yết	1.200.000	124.006.504	-	-
		41.102.270.400		36.328.916.013

(b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài bao gồm:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá thị trường VND'000
International Opportunities Fund – Vietnam Equity				
Chứng khoán vốn niêm yết	1.422.259	53.041.703	1.424.055	59.437.479

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng doanh thu bao gồm:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	33.546.047	26.380.045
Doanh thu hoạt động quản trị danh mục đầu tư	4.118.308	3.534.233
	<hr/>	<hr/>
	37.664.355	29.914.278

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty quản lý sáu quỹ đầu tư chứng khoán với tổng giá trị tài sản ròng trị giá 43.004 tỷ VND (31/12/2014: 38.991 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Toàn cầu, Quỹ Nhân thọ và Quỹ Liên kết Đầu tư cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo một hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Trong năm 2015, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam tương đương 36,5 tỷ VND (2014: 28,4 tỷ VND).

Trong năm 2008, Công ty đã ký một hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với M&G Real Estate Asia Pte Ltd. (trước đây là Prudential Property Investment Management (Singapore) Pte Ltd.), một công ty được thành lập tại Singapore. Trong năm 2015, Công ty không nhận phí quản lý từ các dịch vụ cung cấp cho Prudential Property Investment Management (Singapore) Pte Ltd (2014: 0,6 tỷ VND). Công ty đã kết thúc dịch vụ này trong tháng 3 năm 2014.

Trong năm 2008, Công ty đã ký một hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Eastspring Investments (Singapore) Limited (trước đây là Prudential Asset Management (Singapore) Limited) để cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư cho quỹ International Opportunities Fund – Vietnam Equity (“IOF”), một quỹ phụ của Société d’Investissement à Capital Variable được thành lập theo luật của Grand-Duchy Luxembourg. Trong năm 2015, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho IOF tương đương 0,06 tỷ VND (2014: 0,09 tỷ VND).

Công ty cũng thực hiện quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Trong năm 2015, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 1,1 tỷ VND (2014: 0,81 tỷ VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.542.635	4.342.808
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	388.060	94.725
	3.930.695	4.437.533

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp theo tính chất chi phí như sau:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	52.282.709	43.086.537
Chi phí tư vấn và dịch vụ khác	12.382.170	13.486.890
Chi phí khác	14.175.436	13.581.909
	78.840.315	70.155.336

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	-	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(996.807)	(853.459)
	(996.807)	(853.459)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lỗi kế toán trước thuế	(37.245.265)	(35.828.057)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(8.193.958)	(7.882.173)
Chi phí không được khấu trừ thuế	143.694	-
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	1.157.049	-
	(6.893.215)	(7.882.173)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	5.896.408	7.028.714
	(996.807)	(853.459)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Thông tư số 72/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10 tháng 8 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế cho 10 năm đầu tính từ năm đầu tiên hoạt động kinh doanh và theo thuế suất hiện hành cho các năm tiếp theo tính từ năm 2015.

Mức thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho công ty là 22% cho năm 2015 và 2014, và mức này sẽ giảm xuống còn 20% từ năm 2016.

(d) Các quy định về chuyển giá

Thông tư số 117/2005/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2005, có hiệu lực ngày 27 tháng 1 năm 2006 và Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 4 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài Chính có hiệu lực ngày 6 tháng 6 năm 2010 (“các thông tư”), đưa ra hướng dẫn đối với các công ty nhằm tuân thủ nguyên tắc tính giá độc lập trong các giao dịch với các bên liên quan.

Công ty có một số giao dịch nhất định với các bên liên quan. Ban Giám đốc cho rằng các dịch vụ của Công ty với các bên liên quan dựa trên nguyên tắc tính giá độc lập. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng nghĩa vụ thuế sẽ không phát sinh thêm do việc áp dụng các thông tư này.

Tuy nhiên, các cơ quan thuế chưa quyết toán thuế của Công ty từ ngày áp dụng các thông tư. Nếu cơ quan thuế diễn giải và áp dụng các thông tư khác với cách của Công ty thì điều này có thể ảnh hưởng đến các khoản thuế phải nộp Nhà nước trong báo cáo tài chính của Công ty.

23. Cổ tức

Trong năm 2015, Công ty không chi trả cổ tức (2014: không).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	5.266.483	5.988.655
Trong vòng hai đến năm năm	3.277.402	11.278.925
	8.543.885	17.267.580

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2015	2014
			VND'000	VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý Phí dịch vụ điều hành quỹ Phí dịch vụ do công ty mẹ cung cấp	32.341.200 4.118.308 186.530	24.869.026 3.534.233 183.843
Prudential Corporation Asia	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	1.526.073	626.783
M&G Real Estate Asia Pte Ltd. (trước đây là Prudential Property Investment Management (Singapore) Pte Ltd.)	Công ty liên quan	Phí quản lý danh mục	-	618.247
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phí quản lý danh mục Quỹ IOF	67.120	85.854
		Chi phí trả hộ cho Công ty	4.751.335	4.909.814
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ dưới quyền quản lý	Phí quản lý	1.137.727	806.918

26. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	106.154.989	131.945.400
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	10.266.550	8.885.980
		<hr/>	<hr/>
		116.421.539	140.831.380

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tất cả tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý và phí tư vấn phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý và phí tư vấn phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	1 – 3 tháng VND'000	3 tháng – 1 năm VND'000	1 – 5 năm VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả người bán	66.025	-	66.025	-	-	-
Chi phí phải trả	11.110.166	-	-	11.110.166	-	-
Phải trả nội bộ công ty	1.632.235	-	-	1.632.235	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	344.075	-	344.075	-	-	-
	13.152.501	-	410.100	12.742.401	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Phải trả người bán	66.025	66.025	66.025	-	-	-
Chi phí phải trả	6.091.145	6.091.145	-	6.091.145	-	-
Phải trả nội bộ công ty	1.674.353	1.674.353	-	1.674.353	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	775.171	775.171	775.171	-	-	-
	8.606.694	8.606.694	841.196	7.765.498	-	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch doanh thu và mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các trạng thái tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Có gốc tiền tệ là USD	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.479.121	22.023.137
Phải thu nội bộ	9.569	13.684
Phải trả nội bộ	-	(129.300)
	13.488.690	21.907.521

Sau đây là tỷ giá hối đoái ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	31/12/2014
USD/VND	22.420	21.360

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lỗ thuần	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
USD (tăng thêm 3%)	315.635	341.757

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lỗ thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá ba tháng.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	97.665.428	127.653.026
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	8.489.561	4.292.374

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 66 triệu VND lỗ thuần của Công ty (31/12/2014: 33 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.154.989	106.154.989	131.945.400	131.945.400
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	10.266.550	(***)	8.885.980	(***)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác (**)	2.042.335	(***)	2.515.549	(***)
Nợ phải trả tài chính khác (**)	11.110.166	(***)	6.091.145	(***)

(*) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bao gồm các khoản phải thu thương mại, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác.

(**) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác.

(***) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

27. Các chỉ số

	31/12/2015	31/12/2014
Cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	3,31%	2,04%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	96,69%	97,96%
Tình hình tài chính		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	35,59%	21,50%
Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	303,30%	512,72%
Tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu	0,48%	0,34%
	2015	2014
Lợi nhuận		
Lỗ thuần/Tổng doanh thu	-96,24%	-116,92%
Lỗ thuần/Vốn chủ sở hữu	-45,74%	-30,28%

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Đinh Thị Bình Dương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tuấn Thân An
 Tổng Giám đốc

